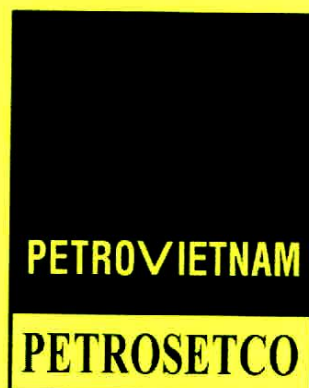


**TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty mẹ

QUÝ 3 NĂM 2010

Tháng 10 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2010

MẪU B 01-DN
 Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100) = 110 + 120 + 130 + 140 + 150	100		1,716,611,368,414	936,480,564,480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		571,839,967,516	43,640,504,136
1. Tiền	111	4	416,639,967,516	43,640,504,136
2. Các khoản tương đương tiền	112	4	155,200,000,000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130		1,093,546,442,725	885,030,597,236
1. Phải thu khách hàng	131		5,976,018,458	4,577,500,725
2. Trả trước cho người bán	132		25,009,916,888	12,944,843,311
3. Phải thu nội bộ	133		953,262,111,034	871,859,558,217
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		115,218,450,709	3,645,087,081
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(5,920,054,364)	(7,996,392,098)
IV. Hàng tồn kho	140		39,556,467,199	
1. Hàng tồn kho	141	5	39,556,467,199	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11,668,490,974	7,809,463,108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		126,118,181	209,449,514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11,055,297,042	6,181,513,020
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	6	71,220,711	968,021,324
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		415,855,040	450,479,250
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		621,590,066,212	558,236,762,564
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		1,271,560,000	1,438,028,776
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218		1,271,560,000	1,438,028,776
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		131,378,924,153	119,683,513,071
1. Tài sản cố định hữu hình	221		16,450,707,975	15,669,790,218
- Nguyên giá	222	7	46,994,817,911	46,387,439,097
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30,544,109,936)	(30,717,648,874)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	98,451,352,857	98,385,491,902
- Nguyên giá	228		98,554,305,269	98,469,316,269
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(102,952,412)	(83,824,367)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	16,476,863,321	5,628,230,951
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		488,939,582,059	437,115,220,717
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	359,939,582,059	415,665,220,717
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	129,000,000,000	21,450,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
1. Chi phí trả trước dài hạn	261			
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,338,201,434,626	1,494,717,327,044

NGUỒN VỐN				
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		1,508,879,057,830	750,729,339,467
I. Nợ ngắn hạn	310		1,478,635,655,229	723,934,376,479
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	1,176,328,030,271	629,038,669,357
2. Phải trả người bán	312		218,359,089,412	51,812,499,230
3. Người mua trả tiền trước	313		13,590,980,659	4,118,011,328
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	2,350,474,881	111,703,404
5. Phải trả công nhân viên	315		11,261,485,820	23,416,314,154
6. Chi phí phải trả	316		4,653,570,050	2,915,096,551
7. Phải trả nội bộ	317			3,819,056,655
8. Phải trả theo tiến độ KH HĐ XDCB	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		46,273,469,989	1,417,701,651
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5,818,554,147	7,285,324,149
II. Nợ dài hạn	330		30,243,402,601	26,794,962,988
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	30,035,456,400	26,535,456,400
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		207,946,201	259,506,588
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			

03004520
 TỔNG CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 DỊCH VỤ
 TỔNG HỢP
 DẦU KHÍ
 TP. HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		829,322,376,796	743,987,987,577
I. Vốn chủ sở hữu	410		829,322,376,796	743,987,987,577
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	15	554,720,000,000	554,720,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	15	52,120,798,051	52,120,798,051
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414	15	(2.812,000,000)	(2.335,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		9,902,001,158	(2,862,486,419)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	15	20,114,877,446	20,114,877,446
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	15	12,669,047,040	12,669,047,040
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	15	182,607,653,101	109,560,751,459
11. Quỹ đầu tư xây dựng cơ bản	421			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
2. Nguồn kinh phí	432			
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số				
TỔNG NGUỒN VỐN (300 + 400+ 500)	540		2,338,201,434,626	1,494,717,327,044

Người lập biểu



Lê Thị Chiến

Kế toán trưởng



Đào Văn Đại

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN HÀ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Mẫu B 02-DN
Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Luỹ kế từ đầu năm	
			Năm 2010	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		226,014,029,767	108,124,849,486	241,013,603,174	387,807,210,645
2. Các khoản giảm trừ	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)	10		226,014,029,767	108,124,849,486	241,013,603,174	387,807,210,645
4. Giá vốn hàng bán	11		206,822,523,013	98,389,184,671	206,822,523,013	373,155,078,253
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		19,191,506,754	9,735,664,815	34,191,080,161	14,652,132,392
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	73,638,408,670	44,976,896,176	181,882,448,266	155,204,652,820
Trong đó : Doanh thu không chịu thuế			51,310,081,971	28,429,793,965	123,390,872,964	107,152,682,398
7. Chi phí tài chính	22	17	19,237,458,637	11,447,092,918	44,878,579,456	38,514,135,940
Trong đó: Chi phí lãi vay phải trả	23		19,237,458,637	11,273,568,803	42,490,278,079	41,493,298,454
8. Chi phí bán hàng	24		8,752,974,437		9,307,093,560	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,069,222,253	9,645,285,341	27,799,244,958	32,719,054,632
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		48,770,260,097	33,620,182,732	134,088,610,453	98,623,594,640



4

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

11. Thu nhập khác	31	18	394,570,367	8,435,153,677	402,179,180	17,837,581,859
12. Chi phí khác	32	19	196,158,031	3,090,909	196,158,031	6,816,073
13. Lợi nhuận khác	40		198,412,336	8,432,062,768	206,021,149	17,830,765,786
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		48,968,672,433	42,052,245,500	134,294,631,602	116,454,360,426
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	20	1,422,039,686	1,702,806,442	2,868,830,055	1,702,806,442
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		47,546,632,747	40,349,439,058	131,425,801,547	114,751,553,984

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Chiến

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Văn Đại

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÙNG TUẤN HÀ



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 Giữa niên độ kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Lưu kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm 2010	Năm 2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	134,294,631,602	116,454,360,426
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1,534,428,941	1,218,197,555
Các khoản dự phòng	03	(2,076,337,734)	(9,975,568,469)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9,902,001,158)	
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7,210,570,715)	(1,990,715,616)
Chi phí lãi vay	07	42,490,278,079	40,736,474,548
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08		
Tăng các khoản phải thu	09	(208,515,845,489)	(112,787,230,093)
Tăng hàng tồn kho	10	(39,556,467,199)	
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	755,845,339,582	(284,198,203,331)
Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	83,331,333	(224,356,938)
Tiền lãi vay đã trả	13	(42,086,708,029)	(40,736,474,548)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	544,320,114	47,238,616
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(752,984,006,642)	(1,540,883,191,071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(127,539,607,315)	(1,832,339,468,921)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(13,418,452,599)	(571,418,120)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn	22	402,179,180	147,018,182
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(2,330,675,175,828)	(434,535,743,723)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2,490,977,762,675	2,293,966,193,937
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1,550,000,000)	(32,522,143,355)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	7,004,558,379	1,990,715,616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	152,740,871,807	1,828,474,622,537
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu và mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	(477,000,000)	(279,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	871,026,725,673	2,639,594,740,071
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(301,307,326,785)	(2,528,268,971,609)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			
6. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(66,244,200,000)	(47,635,717,400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	502,998,198,888	63,411,051,062
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	528,199,463,380	59,546,204,678
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	43,640,504,136	11,434,831,308
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	571,839,967,516	70,981,035,986

Người lập biểu


 Lê Thị Chiến

Kế toán trưởng


 Đào Văn Đại

Ngày 25 tháng 10 năm 2010

Tổng Giám đốc



PHÙNG TUẤN HÀ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 09 năm 2006 và giấy đăng ký kinh doanh điều chỉnh số : 0300452060 ngày 28 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp . Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 44,37% vốn điều lệ của Công ty mẹ, các cổ đông khác nắm giữ 55.63% vốn điều lệ còn lại.

Ngày 15 tháng 06 năm 2010 Tổng Công ty chuyển trụ sở từ 12AB Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh đến Lầu 6 Toà nhà Petro VietNam - Số 1-5 Lê Duẩn , Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư , đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất , máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn, phân phối chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp , sản xuất bao bì từ pastic, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Đơn vị trực thuộc Công ty mẹ

Ngày 05 tháng 02 năm 2010 thành lập Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí - Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí (viết tắt PIMD) trực thuộc Công ty mẹ. Đến quý 2 năm 2010 đi vào hoạt động

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Niên độ kế toán

Kỳ kế toán quý 3 bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc ngày 30 tháng 09

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình, trừ dây chuyền sản xuất vỏ bình khí, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	14.2% - 20%
Phương tiện vận tải	12.5% - 16.7%
Dụng cụ quản lý	25% - 33%
TSCĐ khác	25% - 33%
Tài sản cố định phúc lợi	0%

Dây chuyền sản xuất vỏ bình khí được tính khấu hao theo sản lượng sản phẩm sản xuất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng 22.000 m² đất thuộc khuôn viên Khách sạn Dầu khí Thanh Đa với thời gian sử dụng không xác định và quyền sử dụng 33.042 m² đất tại xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong 43 năm. Tài sản là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong tám năm. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không xác định không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn là các khoản chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai hoặc ba năm.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Lầu 6-Petro ViệtNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

Theo Điều lệ, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế hàng năm với tỷ lệ như sau:

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền mặt	82,067,564	39,908,545
Tiền gửi ngân hàng	416,557,899,952	43,600,595,591
Tiền đang chuyển	155,200,000,000	
	571,839,967,516	43,640,504,136

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Hàng hoá	39,556,467,199 39,556,467,199	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	71,220,711	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		968.021.324
	71,220,711	968.021.324

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải dẫn truyền	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	37,465,643,436	2,380,419,876	4,585,003,835	1,956,371,945	46,387,439,092
Tăng trong kỳ			1,671,977,861	812,853,368	2,484,831,229
- Mua trong kỳ			1,671,977,861	812,853,368	2,484,831,229
Giảm trong kỳ	20,603,636	321,355,503	734,757,500	800,735,771	1,877,452,410
- Thanh lý, nhượng bán	20,603,636	321,355,503	734,757,500	800,735,771	1,877,452,410
Số cuối kỳ	37,445,039,800	2,059,064,373	5,522,224,196	1,968,489,542	46,994,817,911
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu năm	24,674,664,978	1,930,267,301	3,204,581,870	908,134,725	30,717,648,874
Tăng trong kỳ	643,929,280	159,434,423	311,386,365	400,550,828	1,515,300,896
- Khấu hao trong kỳ	643,929,280	159,434,423	306,922,965	405,014,228	1,515,300,896
- Phân loại lại			4,463,400	(4,463,400)	
Giảm trong kỳ	8,861,781	295,077,158	734,757,500	650,143,395	1,688,839,834
- Thanh lý, nhượng bán	8,861,781	295,077,158	734,757,500	650,143,395	1,688,839,834
Số cuối kỳ	25,309,732,477	1,794,624,566	2,781,210,735	658,542,158	30,544,109,936
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
- Tại ngày đầu năm	12,790,978,458	450,152,575	1,380,421,965	1,048,237,220	15,669,790,218
- Tại ngày cuối kỳ	12,135,307,323	264,439,807	2,741,013,461	1,309,947,384	16,450,707,975

* Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là : 5.030.893.191đồng

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	TSCĐ khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	98,337,309,381	132,006,888	98,469,316,269
Tăng trong kỳ		84,989,000	84,989,000
- Mua trong kỳ		84,989,000	84,989,000
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	98,337,309,381	216,995,888	98,554,305,269
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Số dư đầu năm		83,824,367	83,824,367
Tăng trong kỳ		19,128,045	19,128,045
- Khấu hao trong kỳ		19,128,045	19,128,045
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		102,952,412	102,952,412
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
- Tại ngày đầu năm	98,337,309,381	48,182,521	98,385,491,902
- Tại ngày cuối kỳ	98,337,309,381	114,043,476	98,451,352,857

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
CT TT Dịch vụ DK Dung Quất	1,138,932,202	943,562,951
Dự án 12 Trương Công Định	3,099,532,948	2,909,377,000
Dự án Trần Khắc Chung và Lê Quang Định	1,775,291,000	1,775,291,000
Nhà trẻ Trà My Vũng Tàu	18,000,000	
DA Petrosetco Tower Thanh Đa – TP HCM	3,602,047,867	
CT 46 Trương Định - Nhà khách tập đoàn	6,843,059,304	
	16,476,863,321	5,628,230,951

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2010 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “PSV”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí biển; Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PSD”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PST”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PSG”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi đổi tên là Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (viết tắt PSMT) theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần thứ 5 số 4300368426 ngày 10 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong kỳ, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

Công ty TNHH Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PBC”) được thành lập dưới hình thức công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 491032000093 ngày 28 tháng 6 năm 1994 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Tại ngày 27 tháng 5 năm 2010, Tổng Công ty đã hoàn thành việc thanh toán mua thêm 30% cổ phần của Bestfoods tăng tỷ lệ góp vốn tại Bestfoods từ 50% lên 80% và theo giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 8 số 491021000093 ngày 14/05/2010 đổi thành Công ty TNHH, thành công ty con được hợp nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (được viết tắt PSP) thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 1900437757 ngày 11 tháng 06 năm 2010 với ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì, bán buôn chất dẻo nguyên sinh, bán buôn phân bón, trụ sở tại 105 bà Triệu, phường 3, thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Petrosetco tham gia góp vốn 51%. Công ty CP Bao Bì Việt Nam trở thành công ty con của Petrosetco và được hợp nhất báo cáo tài chính kể từ quý 3 năm 2010.

	Vốn điều lệ đã đăng ký 30/09/2010 VND	Số tiền đầu tư vào Công ty con 30/09/2010 VND	Tỷ lệ sở hữu %
Cty TNHH MTV DV & Thương mại DK (PST)	39,500,000,000	39,500,000,000	100
Cty TNHH MTV DVTH Sài Gòn DK (PSG)	10,400,000,000	10,400,000,000	100
Cty TNHH MTV DVTH DK Vũng Tàu (PSV)	22,500,000,000	22,500,000,000	100
Cty TNHH MTV TMDV DK Miền Trung (PSMT)	66,500,000,000	66,500,000,000	100
Cty TNHH MTV DV Phân phối TH DK (PSD)	92,000,000,000	92,000,000,000	100
Cty TNHH MTV TM & DV DK Biển (POTS) (i)	30,000,000,000	31,681,662,678	100
Cty TNHH MTV QL & KT Tài sản DK (PVA) (i)	50,000,000,000	56,183,637,417	100
Cty TNHH MTV DV TM DK Hà Nội (KSHN) (i)	18,140,685,729	30,362,282,732	100
Cty TNHH CB Suất ăn & TM DK (PBC) (i)	7,920,000,000	9,261,999,232	80
Cty CP Bao Bì Dầu khí Việt Nam (PSP)	12,750,000,000	1,550,000,000	51
	349,710,685,729	359,939,582,059	

(i): Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (được gọi tắt là “PCB”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 65201000077 ngày 11 tháng 9 năm 2008 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cấp với thời hạn hoạt động là 69 năm. Ngày 28 tháng 06 năm 2010, Hội đồng quản trị Petro Việt Nam đã chấp thuận để Tổng Công ty giảm tỷ lệ góp vốn từ 51% xuống 25% trong Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Miền Trung (PCB).

Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí (gọi tắt là PV Building) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300429492 ngày 02/04/2009 do Sở Kế hoạch Đầu tư Quảng Ngãi cấp. Petrosetco hiện nắm giữ 30% cổ phần tại PV Building.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết Tổng Công ty đã góp đến ngày 30/09/2010

	Vốn điều lệ đăng ký VND	Vốn điều lệ đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
- PCB	112.500.000.000	112.500.000.000	25%
- PV. Building	16.500.000.000	16.500.000.000	30%
	129.000.000.000	129.000.000.000	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro Việt Nam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Các khoản vay ngắn hạn:		
Ngân hàng TM CP Ngoại thương Việt Nam		12,211,911,235
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội		180,610,474,322
Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Đại Dương	161,446,274,410	100,000,000,000
Ngân hàng TMCP Hàng hải	122,027,020,076	88,000,000,000
Ngân hàng China Trust	111,947,093,180	107,505,313,717
Ngân hàng Indovina Việt Nam	277,140,531,020	133,129,411,112
Tổng Cty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam	500,000,000,000	
	1,172,560,918,686	621,457,110,386
Nợ dài hạn đến hạn trả:		
Tổng Cty Tài Chính CP Dầu Khí Việt Nam	3,767,111,585	7,581,558,971
Tổng cộng:	1,176,328,030,271	629,038,669,357

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,900,808,731	
Thuế thu nhập cá nhân	449,666,150	111,703,404
	2,350,474,881	111,703,404

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Ngân hàng Á Châu (ACB)	3.500.000.000	
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	26 535 456 400	26 535 456 400
	30.035.456.400	26 535 456 400

Tại ngày 17 tháng 2 năm 2008, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền 41.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và được hoàn trả nửa năm một lần bắt đầu từ năm 2010.

Ngày 20/09/2010 Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi Nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 đồng để cải tạo sửa chữa khách sạn Holiday Masion tại Vũng Tàu. Khoản vay này bảo đảm Bất động sản số 12 Trương Công Định, TP Vũng Tàu và chịu lãi suất 14% năm lãi suất này được ổn định 3 tháng đầu, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng một lần. Khoản vay có thời hạn vay 84 tháng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu ký quỹ	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm	554,720,000,000	52,120,798,051	(2,335,000,000)	(2,862,486,419)	20,114,877,446	12,669,047,040	109,560,751,459	743,987,987,577
Tăng trong kỳ			(477,000,000)	9,902,001,158			139,291,101,642	148,716,102,800
- Lãi trong kỳ							131,425,801,547	131,425,801,547
- Đánh giá CL tỷ giá cuối kỳ				9,902,001,158				9,902,001,158
- Mua lại cổ phiếu			(477,000,000)					(477,000,000)
- Tăng khác (ĐC LN năm 2009)							7,865,300,095	7,865,300,095
Giảm trong kỳ				(2,862,486,419)			66,244,200,000	63,381,713,581
- Hoàn nhập tỷ giá				(2,862,486,419)				(2,862,486,419)
- Chia cổ tức							66,244,200,000	66,244,200,000
Số dư cuối kỳ	554,720,000,000	52,120,798,051	(2,812,000,000)	9,902,001,158	20,114,877,446	12,669,047,040	182,607,653,101	829,322,376,796

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VNĐ
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	58,221,072,965	48,013,272,361
- Lợi nhuận chuyển từ các Công ty con	123,390,872,964	107,152,682,398
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	270,502,337	38,698,061
	181,882,448,266	155,204,652,820

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VNĐ
Chi phí lãi vay	42,490,278,079	41,493,298,454
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,387,601,377	3,957,552,878
Chi phí tài chính khác	700,000	(6,936,715,392)
	44,878,579,456	38,514,135,940

18. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VNĐ
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	402,170,367	147,018,182
Thu nhập khác	8,813	17,690,563,677
	402,179,180	17,837,581,859

19. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VNĐ
Chi thanh lý tài sản cố định	196,158,031	6,727,273
Chi phí khác		88,800
	196,158,031	6,816,073

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
 Lầu 6-Petro VietNam, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2010 đến 30/09/2010 VNĐ	Từ 01/01/2009 đến 30/09/2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	134,294,631,602	116,454,360,426
Trừ: Chuyển lỗ năm trước	(7,458,006,700)	
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(123,390,872,964)	107,152,682,398
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	8,029,568,277	
Thu nhập chịu thuế	11,475,320,215	9,301,678,028
Thu nhập chịu thuế 12.5%		
Thu nhập chịu thuế 25%	11,475,320,215	
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,868,830,055	1,702,806,442

Công ty mẹ có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007

21. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2010 được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 25 tháng 10 năm 2010


 Kế toán trưởng
ĐÀO VĂN ĐẠI

Ngày 25 tháng 10 năm 2010
 Tổng Giám đốc

PHÙNG TUẤN HÀ